

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**NĂM HỌC: 2014 - 2015****MÔN TOÁN 6****Thời gian: 90 phút** (Không tính thời gian phát đề)**I. Lí thuyết (2,0 điểm)****Câu 1** (1,0 điểm): Phát biểu qui tắc cộng hai số nguyên âm.Áp dụng tính: $(-14) + (-25)$ **Câu 2** (1,0 điểm): Trung điểm M của đoạn thẳng AB là gì? Vẽ trung điểm M của đoạn thẳng AB.**II. Bài tập (8,0 điểm)****Bài 1** (2,0 điểm)

a) Viết kết quả phép tính dưới dạng một lũy thừa

$$7^5 \cdot 7 \quad ; \quad 32 : 2^3$$

b) Tìm ƯCLN (40, 140)

c) Tìm BCNN (45, 160)

Bài 2 (2,0 điểm)

a) Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể)

$$(6 - 10) + 150 ;$$

$$75 \cdot 95 - 75 \cdot 45$$

b) Tìm x biết: $45 - 4x = 37;$

$$(3x - 6) \cdot 3 = 3^4$$

Bài 3 (1,0 điểm): Điền chữ số vào dấu * để số $\overline{3*5}$ chia hết cho 9.**Bài 4** (1,0 điểm): Học sinh khối 6 của một trường vào khoảng 230 đến 270 em. Khi xếp hàng 12, hàng 15, hàng 20 thì vừa đủ. Tính số học sinh khối 6 của trường đó.**Bài 5** (2,0 điểm): Trên tia Ox, vẽ hai điểm A, B sao cho OA = 3cm, OB = 6cm.

a) Điểm A có nằm giữa O và B không? Vì sao?

b) Điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng OB không? Vì sao?

.....Hết.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN TOÁN - LỚP 6
NĂM HỌC: 2014 -2015

Đáp án	Biểu điểm
<p>I. Lí thuyết (2,0 điểm)</p> <p>Câu 1: - Phát biểu qui tắc cộng hai số nguyên âm đúng - Áp dụng tính đúng: $(-14) + (-25) = -(14 + 25) = -39$</p> <p>Câu 2: - Phát biểu định nghĩa trung điểm của đoạn thẳng AB đúng - Vẽ hình đúng</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
<p>II. Bài tập (8,0 điểm)</p> <p>Bài 1 (2,0 điểm):</p> <p>a) Viết kết quả phép tính dưới dạng một lũy thừa $7^5 \cdot 7 = 7^{5+1} = 7^6$ $32 : 2^3 = 2^5 : 2^3 = 2^{5-3} = 2^2$</p> <p>b) ƯCLN(40, 140) = 20</p> <p>c) BCNN (45, 160) = 1440</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
<p>Bài 2 (2,0 điểm)</p> <p>a) Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể) $(7 - 10) + 139 = (-3) + 139 = 136$ $75 \cdot 95 - 75 \cdot 45 = 75 \cdot (95 - 45) = 75 \cdot 50 = 3750$</p> <p>b) Tìm x biết: $45 - 4x = 37$ $4x = 45 - 37$ $4x = 8$ $x = 2$</p> <p>$(3x - 6) \cdot 3 = 3^4$ $3x - 6 = 3^4 : 3$ $3x - 6 = 3^3$ $3x = 27 + 6$ $x = 33 : 3$ $x = 11$</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
<p>Bài 3 (1,0 điểm) $* \in \{1; 9\}$</p>	<p>1</p>
<p>Bài 4 (1,0 điểm) Tính đúng số học sinh khối 6 của trường đó là 240 học sinh.</p>	<p>1</p>
<p>Bài 5 (2,0 điểm)</p> <div style="text-align: center;"> </div> <p>a) Trên tia Ox vì $OA < OB$ ($3\text{cm} < 6\text{cm}$) nên điểm A nằm giữa 2 điểm O và B.</p> <p>b) Vì A nằm giữa O và B nên :</p> <p style="text-align: center;">$OA + AB = OB$</p> <p style="text-align: center;">$3 + AB = 6$</p> <p style="text-align: center;">$AB = 6 - 3 = 3 \text{ (cm)}$</p> <p style="text-align: center;">Do đó: $OA = AB = 3 \text{ cm}$</p> <p>Vậy điểm A là trung điểm của đoạn thẳng OB.</p>	<p>Hình vẽ: 0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2014-2015**

Môn: Toán – lớp 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Câu 1 (1,5 điểm) Cho tập hợp $A = \{1; 2; 3; 4; 5; 6\}$

a) Điền các kí hiệu thích hợp vào ô trống :

5 A ; 9 A ; $\{1; 2; 3\}$ A ; $\{1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$ A

b) Trong tập hợp A số nào là hợp số ?

Câu 2(1 điểm):

a) Trong các số sau số nào chia hết cho cả 3 và 5: 135; 280; 297; 360.

b) Biểu diễn số -2 và $+4$ trên trục số



Câu 3(3 điểm): Thực hiện phép tính

a) $5.3^2 - 2^2.3^2$

b) $20 - [5^2 - (5 - 1)^2]$

c) $[(-50 + 79)(115 - 45)] : 58$

Câu 4(2,5 điểm):

Cho đoạn thẳng AC dài 5cm. Vẽ điểm B nằm giữa A và C sao cho $BC = 2\text{cm}$.

a) Tính AB.

b) Trên tia đối của tia BC lấy điểm D sao cho $BD = 6\text{cm}$. Điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng BD không? Vì sao?

Câu 5(2 điểm):

Học sinh khối 6 của một trường, khi xếp hàng 8, hàng 9, hàng 10 đều vừa đủ hàng. Biết số học sinh đó trong khoảng từ 300 đến 700. Tính số học sinh khối 6 của trường đó.

-----**HẾT**-----

ĐÁP ÁN – HƯỚNG DẪN CHẤM TOÁN 6 – HKI

Câu		Nội dung	Điểm
1 (1,5đ)	a	Điền đúng một kí hiệu 0,25 đ	1
	b	Chọn đúng mỗi số 0,25đ	0,5
2 (1đ)	a	135; 360. (mỗi số 0,25đ)	0.5
	b	Điền đúng mỗi số 0,25đ	0,5
3 (3đ)	a	$75.3^2 - 5^2. 3^2 = 75.9 - 25.9 = 9(75 - 25) = 9.50 = 450$	1
	b	$20 - [5^2 - (5 - 1)^2] = 20 - [25 - 4^2] = 20 - 9 = 11$	1
	c	$[(- 50 + 79)(115 - 45)] : 58 = (29.70): 58 = 35$	1
4 (2,5đ)	H		0,5
	a	Vì B nằm giữa A và C nên: $AB + BC = AC$ Thay số tính được : $AB = 3\text{cm}$	0,5 0,5
	b	Vì A nằm giữa B và D nên: $AB + AD = BD$ Thay số tính được $AD = 3\text{cm}$ Ta có A nằm giữa B và D và $AB = AD = 3\text{cm}$ Nên A là trung điểm của BD	0,5 0,5 0,5
5 (2,0đ)		Gọi x là số học sinh khối 6 của trường ($x \in \mathbb{N}$) Theo đề, ta có: $x \in \text{BC}(8,9,10)$ và $300 < x < 700$ $\text{BCNN}(8,9,10) = 2^3.3^2.5 = 360$ $\text{BC}(8,9,10) = \text{B}(360) = \{ 0; 360; 720...\}$ Do $300 < x < 700$ nên $x = 360$	0,25đ 0,5đ 0,5đ 0,5đ 0,25đ

TRƯỜNG THCS

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I-KHỐI LỚP 6
NĂM HỌC 2014-2015**

ĐỀ CHÍNH THỨC

MÔN THI : TOÁN

Thời gian : 90 phút (không kể thời gian phát đề)

<p><i>Bài 1 :</i> <i>(2 điểm)</i></p>	<p>a/ Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 8 và nhỏ hơn hoặc bằng 14 b/ Tìm x biết : $12 + x = 4^3 : 4$ c/ Thực hiện phép tính: 1/ $A = 80 - (4.5^2 - 3.2^3)$ 2/ $B = 12 + (-25)$</p>
<p><i>Bài 2 :</i> <i>(2 điểm)</i></p>	<p>a) Tìm ƯCLN của các số 480 và 600. b) Thay các chữ số x,y để $123x4y$ chia hết cho cả 2,3,5,9.</p>
<p><i>Bài 3 :</i> <i>(2,5điểm)</i></p>	<p>Số học sinh khối 6 của một trường khi xếp thành 5 hàng, 10 hàng, 13 hàng đều vừa đủ, biết rằng số học sinh trong khoảng từ 350 đến 450 học sinh. Tính số học sinh đó ?</p>
<p><i>Bài 4 :</i> <i>(2,5điểm)</i></p>	<p>Vẽ tia Ox, trên tia Ox lấy điểm M, N sao cho $OM=4\text{cm}$, $ON= 8\text{cm}$. 1) Tính độ dài đoạn thẳng MN. 2) So sánh OM và MN. 3) Điểm M có là trung điểm của đoạn thẳng ON không ? Vì sao ?</p>
<p><i>Bài 5 :</i> <i>(1 điểm)</i></p>	<p>Tính tổng $P = (8 + 12 + 16 + 20 + \dots + 96 + 100)$</p>

ĐÁP ÁN

Bài 1 :		2 điểm
Câu a	$A = \{ 9; 10; 11; 12; 13; 14 \}$	0,50
	$12 + x = 16$	0,25
	$x = 16 - 12$	0,25
	$x = 4$	
Câu b	$A = 80 - (100 - 24)$	0,25
	$A = 80 - 76$	0,25
	$A = 4$	0,5
	$B = -13$	
Bài 2 :		2 điểm
Câu a	Phân tích các số ra thừa số nguyên tố, $ƯCLN(480; 600) = 390$	0,5
Câu b	$y = 0$	0,5
	$x = 8$	0,5
Bài 3 :		2,5 điểm
	Lý luận số học sinh của trường thuộc BC (5,10,13)	0,5
	$BCNN(5,10,13) = 130$	0,75
	$BC(5,10,15) = \{0; 130; 260; 390; \}$	0,75
	Lý luận trả lời 660 học sinh	0,5
Bài 4:		2,5 điểm
	Vẽ hình	0,5
	1/Điểm M nằm giữa hai điểm O, N	0,5
	Tính được $MN = 4(\text{cm})$	0,5
	2/ $OM = MN (= 4(\text{cm}))$	0,5
	3/ + Điểm M nằm giữa hai điểm O, N	0,25
	+ $OM = MN$	0,25
Bài 5:		1 điểm
	Tính được số số hạng của P: 24 số hạng	0,5
	Tính đúng $P = 1296$	0,5

ĐÁP ÁN – HƯỚNG DẪN CHẤM

Bài	Đáp án	Điểm
Bài 1		1.0
Câu a)	$M = \{4; 5; 6; 7\}$	0.5
Câu b)	$5 \in M ;$	0.25
	$9 \notin M$	0.25
Bài 2		3.0
Câu a)	$215 - 5 + 10 = 220$	0.5
Câu b)	$13 + (-17) = -4$	0.5
Câu c)	$25.5.2014.4.2$ $= 25.4.5.2.2014$ $= 100.10.2014 = 2014000$	0,25 0.25
Câu d)	$24.35 + 76.35 - 500$ $= 35.(24 + 76) - 500$ $= 3500 - 500 = 3000$	0.25 0.25
Câu e)	$3+7+11+15+ \dots+399+ 403$ Tính được số số hạng là 101 $(3+399) + (7+ 395) + \dots+ 403$ $= 402.50 + 403 = 20503$	0.25 0.25 0.5
Bài 3		2.0
Câu a)	Chia hết cho 2 : 514 Chia hết cho 3 : 2001 Chia hết cho 5 : 1045 Chia hết cho 7 : 133	0.25 0.25 0.25 0.25
Câu b)	a là hợp số	1.0
Bài 4		2.0
Câu a)	$24 = 2^3.3$ $36 = 2^2.3^2$ $UCLN (24;36) = 12$ $UC (24; 36) = U (12) = (1;2;3;4;6;12)$	0.25 0.25 0.25 0.25
Câu b)	Biết lập luận để tìm bội chung Tìm được BCNN Tìm được BC Chọn đúng kết quả	0.25 0.25 0.25 0.25
Bài 5		

		2.0
Vẽ hình	Vẽ chính xác , đúng	0.25
Câu a)	... $AC + CB = AB$ Tính $AC = 2$	0.25 0.25
Câu b)	... $MB = 1/2.BC$ $MB = 2cm$	0.25 0.25
Câu c)	Lập luận C nằm giữa ... $CA = CM$ Kết luận.	0.25 0.25 0.25